

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 01 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Tú

Bà Hoàng Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1978; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn: Chị Lường Thị T, sinh năm 1984; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Anh và chị Lường Thị T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị T về làm dâu và chung sống với gia đình nhà chồng tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá

trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 15 năm và có 02 con chung. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi thường xuyên đi làm xa nhà, nên tình cảm vợ chồng cũng có những khoảng cách nhất định, mỗi người có một suy nghĩ và cách sống khác nhau, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ động viên lẫn nhau, ngoài ra chị T không chung thủy nên giữa hai anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, chính vì vậy anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cố nín kéo duy trì thì cuộc sống chung giữa hai vợ chồng cũng không hạnh phúc, mặt khác giữa hai anh chị về chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn cho anh với chị Lương Thị T.

Về phía bị đơn chị Lương Thị T khai nhận: Chị và anh Hoàng Văn T về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 8 năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn vì khi đó chị mới được 17 tuổi, sau khi cưới chị về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống chị và anh T sống hạnh phúc được 15 năm, từ năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, hay ghen tuông vô cớ và cho rằng chị không chung thủy, mỗi người một suy nghĩ và cách sống khác nhau, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ động viên lẫn nhau nên trong cuộc sống hàng ngày thường xảy ra cãi vã, chửi bới, đánh đập nhau làm tình **cảm** giữa hai vợ chồng rạn nứt, **mâu** thuẫn liên tục xảy ra, nên chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống tại thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang, sống ly thân anh T từ năm 2016 cho đến nay. Do chị và anh Hoàng Văn T chỉ về chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, nên chị cũng đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị và anh T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Lương Thị T đều khai nhận, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 17/11/2001 và cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 27/10/2008. Quan điểm của hai anh chị đều thống nhất thỏa thuận theo nguyện vọng của con chung, chị Lương Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Anh T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Hoàng Văn T đã trên 18 tuổi nên anh chị không đề nghị Tòa án đề cập, giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Hoàng Văn T và chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi mở phiên tòa, anh Hoàng Văn T và chị Lương Thị T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt anh T, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm về các nội dung đã trình bày có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đều tuân thủ đầy đủ theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đều chấp hành và tuân theo đúng quy định pháp luật, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn T và chị Lường Thị T. Về nuôi con chung, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao các cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 27/10/2008 cho chị Lường Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” của anh Hoàng Văn T được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa anh Hoàng Văn T và chị Lường Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh Hoàng Văn T và chị Lường Thị T về chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không được pháp luật công nhận. Mặt khác, trên cơ sở lời khai của anh T, chị T và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị đã chung sống tại thôn T, xã V về tình trạng hôn nhân cho thấy quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và chị Lường Thị T đã chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang và anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và của Luật Hôn nhân và gia

đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị T.

[4] Về việc nuôi con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định được anh Hoàng Văn T và chị Lương Thị T có 02 con chung là cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 17/11/2001 và cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 27/10/2008. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và hòa giải về phần con chung anh T, chị T cùng thống nhất thỏa thuận: Chị Lương Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Anh T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung dưới 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung và đúng quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận theo các Điều 15, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. **Đối với cháu Hoàng Văn T** đã trên 18 tuổi anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh Hoàng Văn T và chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn T và chị Lương Thị T.

2. Về việc nuôi con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị Lương Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 27/10/2008 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị T có quyền

thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 0003055 ngày 12 tháng 10 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã V, huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Tú

Hoàng Thị Vân

Đàm Thị Tư

